

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2022/DS-PT
Ngày: 27 - 8 - 2022
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2021/TLPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2021 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7726/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1936; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1958; Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H:* Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Như Q, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có gửi quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn H1, xã L, huyện Y1, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị Q1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Bà Hoàng Thị Q2, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đường H2, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Công Q3, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 23, phân trại số 4, Trại giam K1, V, L1, Ninh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1978; HKTT: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; hiện đang sống ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

- Ông Lê Văn C1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 12/7/2018 sửa đổi, bổ sung ngày 12/8/2020, các bản khai có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của ông Trần Văn P (là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H) trình bày:

Cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T là vợ chồng. Hai cụ sinh được 01 người con đẻ duy nhất là ông Hoàng Công Q5, sinh năm 1933. Năm 1939, hai cụ đến thôn Đ, xã C, huyện Y khai phá được thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1290m². Cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T và con là Hoàng Công Q5 cùng chung sống tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 và tạo lập trên đất được các tài sản: Nhà cấp 4, 05 gian gỗ lim lợp ngói, hoành tre, tường đất, không xác định được năm xây dựng; 01 bàn thờ gỗ lim; 01 phản gỗ lim; các cây trồng trên đất: 01 cây mít đường kính gốc khoảng 40cm, cao khoảng 04 m; 07 cây nhãn; 03 cây xoan; 03 cây bạch đàn.

Năm 1943, cụ Nguyễn Thị T chết nhưng không có di chúc để lại tài sản cho ai được thừa kế. Năm 1949, cụ Hoàng Công Q4 lấy vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị Đ1 nhưng không sinh được người con nào, hai cụ xin một người con nuôi là Hoàng Công Q6. Tài sản chung của cụ Hoàng Công Q4 với cụ Nguyễn Thị Đ1 là

277,4m² ruộng canh tác tại thửa 108/6, tờ bản đồ số 4 tại xứ đồng TĐ nhưng phần của cụ Hoàng Công Q4 chỉ có 96m², của cụ Nguyễn Thị Đ1 có 181,4 m².

Năm 1953, ông Hoàng Công Q5 kết hôn với bà Nguyễn Thị H và về ở chung với cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị Đ1 trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1971, cụ Hoàng Công Q4 chết, không có di chúc để lại tài sản cho ai thừa kế. Vợ chồng ông Q5, bà H tiếp tục chung sống với cụ Nguyễn Thị Đ1 đến năm 1972 thì chuyển ra ở thửa đất khác. Trong thời gian chung sống với cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị Đ1, vợ chồng bà Nguyễn Thị H không có công sức đóng góp gì vào việc tạo lập tài sản chung. Cũng trong năm 1972, ông Hoàng Công Q6 hy sinh tại mặt trận phía Nam (ông Hoàng Công Q6 không có vợ, con). Cụ Nguyễn Thị Đ1 sống một mình tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và quản lý toàn bộ tài sản, ruộng đất.

Ngày 12/12/1998, cụ Nguyễn Thị Đ1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) thổ cư thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 (số 00564-QĐ 478/QĐUB đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ1).

Năm 2001, cụ Nguyễn Thị Đ1 được Huyện đội Y, tỉnh Bắc Giang xây tặng một căn nhà tình nghĩa diện tích 60m² trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4. Cũng trong năm 2001 ông Nguyễn Văn K đã mang các tài sản của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T về Y1 sử dụng gồm: Nhà 05 gian cấp 4 đã tháo dỡ, 01 bàn thờ, 01 cây mít, 01 phản gỗ lim.

Ngày 20/11/2006, cụ Nguyễn Thị Đ1 được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 108/6 tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp.

Ngày 22/01/2000, ông Hoàng Công Q5 chết nhưng không để lại di chúc.

Năm 2010, cụ Nguyễn Thị Đ1 chuyển về xã L, huyện Y1 sinh sống. Ngày 24/6/2013, cụ Nguyễn Thị Đ1 chết.

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế toàn bộ di sản của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T bao gồm: nhà ở, bàn thờ, phản gỗ, diện tích đất thổ cư, cây lâu năm trồng trên đất, 96m² đất ruộng như đã nêu trên vì ông Hoàng Công Q5 là con đẻ duy nhất và là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T, nhưng khi còn sống ông Hoàng Công Q5 chưa yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T để lại nên quyền thừa kế của ông Hoàng Công Q5 được chuyển tiếp cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Công Q5 gồm có: bà Nguyễn Thị H (là vợ) và các con của ông Hoàng Công Q5, bà Nguyễn Thị H

gồm: (1). Hoàng Thị Q2, sinh năm: 1957; (2) Hoàng Công Q3, sinh năm: 1959; (3) Hoàng Thị Q1, sinh năm: 1963; (4). Hoàng Thị D, sinh năm: 1975; (5). Hoàng Thị D1, sinh năm: 1978.

(Căn nhà tình nghĩa xây năm 2001 bà Nguyễn Thị H không yêu cầu chia, vì căn nhà này là tiêu chuẩn riêng của cụ Nguyễn Thị Đ1 được hưởng theo diện Bà mẹ Việt Nam Anh hùng).

Tại đơn đề nghị ngày 11/6/2019, bà Nguyễn Thị H có yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 00564-QĐ 478/QĐUB cấp mang tên: Hộ bà Nguyễn Thị Đ1. Ngày 02/4/2021, ông Trần Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu này. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/5/2021, ông Trần Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia 96m² ruộng canh tác tại thửa đất số 108/6, tờ bản đồ số 4, xứ đồng TĐ, thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông là cháu ruột của cụ Nguyễn Thị Đ1. Nguồn gốc tài sản của cụ Nguyễn Thị Đ1 ông không biết có từ bao giờ. Ngày 12/9/2003, cụ Nguyễn Thị Đ1 đã lập di chúc cho ông được hưởng toàn bộ tài sản là đất đai, tài sản vật kiến trúc trên thửa đất thổ cư 1290m² vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00564-QĐ 478/QĐ-UB ngày 12/12/1998 và toàn bộ diện tích ruộng canh tác 384m². Năm 2010, cụ Nguyễn Thị Đ1 ốm, ông đón cụ về Thôn H1, xã L, huyện Y1 để chăm sóc, toàn bộ nhà đất của cụ tại Đ, C, Y, Bắc Giang bỏ hoang không có người ở, không có người trông coi. Ngày 24/6/2013, cụ Nguyễn Thị Đ1 chết.

Bà Nguyễn Thị H xác định các tài sản của cụ Nguyễn Thị Đ1 đã lập di chúc cho ông là của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T và yêu cầu chia thừa kế ông không đồng ý, vì các tài sản này cụ Nguyễn Thị Đ1 đã lập di chúc cho ông được hưởng thừa kế.

Ông Trần Văn P khai ông tháo dỡ căn nhà 05 gian cấp 4 gỗ lim cũ của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T, 01 bàn thờ gỗ lim, 01 phản gỗ lim sử dụng là không đúng. Sau khi cụ Nguyễn Thị Đ1 chết, ông có đánh 01 cây mít mang về Y1 trồng nhưng sau đó cây mít đã chết.

3. Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Tại các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án bà Hoàng Thị Q2, bà Hoàng Thị Q1, bà Hoàng Thị D đều thống nhất trình bày: Ông nội của các bà là cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T có tài sản là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.290m² tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, GCNQSDĐ

mang tên hộ bà Nguyễn Thị Đ1. Năm 1943, cụ Nguyễn Thị T chết. Năm 1971, cụ Hoàng Công Q4 chết. Ông Hoàng Công Q5 là con duy nhất của cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T là người được hưởng thừa kế tài sản của cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T. Nhưng khi còn sống, ông Hoàng Công Q5 chưa yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T. Năm 2000, ông Hoàng Công Q5 chết vì vậy những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Công Q5 gồm có: vợ là bà Nguyễn Thị H và các con của ông Hoàng Công Q5 với bà Nguyễn Thị H gồm: Hoàng Thị Q2, Hoàng Công Q3, Hoàng Thị Q1, Hoàng Thị D, Hoàng Thị D1 được hưởng tài sản của cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T. Các bà từ chối nhận tài sản mà nhường quyền thừa kế tài sản cho bà Nguyễn Thị H, các bà không tham gia các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc vụ án. Các giấy tờ, văn bản của Tòa án các bà đề nghị giao cho ông Trần Văn P nhận thay, ông Trần Văn P có trách nhiệm giao lại cho các bà. Bà Hoàng Thị Q2, Hoàng Thị Q1, Hoàng Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã lưu tại hồ sơ vụ án.

3.2. Tại bản tự khai ngày 02/01/2020, ông Hoàng Công Q3 trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1290m² đất tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là của ông bà nội ông là cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 1943). Năm 1949, cụ Hoàng Công Q4 kết hôn với cụ Nguyễn Thị Đ1 và ở trên đất đó. Năm 1971, cụ Hoàng Công Q4 chết. Năm 1998, cụ Nguyễn Thị Đ1 được cấp GCNQSD đất. Năm 1999, ông Hoàng Công Q5 chết, ông là con đẻ của ông Hoàng Công Q5 và bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật thừa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.290m² đất tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, ông đồng ý, do ông đang chấp hành hình phạt tù giam nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Hoàng Thị D1 xuất cảnh ra nước ngoài ngày 22/5/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do không rõ địa chỉ của chị Hoàng Thị D1 ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có thông tin của chị Hoàng Thị D1, trong hồ sơ vụ án không có bản khai của chị Hoàng Thị D1.

3.4. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/01/2021, ông Lê Văn C1 trình bày: Ông có được ông Nguyễn Văn K cho mượn một thửa ruộng canh tác tại xứ đồng TĐ thuộc thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp thừa kế tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và ông

Nguyễn Văn K. Khi nào ông Nguyễn Văn K có yêu cầu đòi ruộng cho mượn thì ông trả lại cho ông Nguyễn Văn K.

3.5. Đại diện Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y trình bày: Căn cứ Văn bản số 90/2021 ngày 07/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc xác minh nội dung đất đang tranh chấp, UBND xã C có ý kiến như sau:

- GCNQSDĐ ngày 12/12/1998, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.290m². Kết quả thẩm định và định giá thì diện tích còn 1.190,3m² (giảm 99,7m²). Qua xem xét hồ sơ lưu tại UBND xã nhận thấy: GCNQSDĐ ngày 12/12/1998, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.290m² cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ1. Bản đồ giải thửa đo năm 1987 thửa số 173, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.290m²; có các cạnh giáp ranh: phía Đông giáp đường, phía Tây giáp đất thổ cư, phía Bắc giáp đất thổ cư, phía Nam giáp đường. Kết quả đo đạc: phía Đông giáp đường, phía Tây giáp đất thổ cư, phía Bắc giáp đất thổ cư, phía Nam giáp thổ cư. Như vậy phần đo đạc thửa đất của hộ bà Nguyễn Thị Đ1 có đo một phần đất là đường đi cũ. Phần đất này được hộ tự sử dụng từ khoảng năm 1990-1991 nay phù hợp quy hoạch sử dụng đất. Từ trước đến nay UBND xã C không nhận được đơn, thư, ý kiến tranh chấp của các hộ giáp ranh về thửa đất của bà Nguyễn Thị Đ1.

- GCNQSDĐ cấp theo Quyết định 4191/QĐ-UBND ngày 20/11/2006 cấp 384m² đất ruộng cho hộ bà Nguyễn Thị Đ1. Kết quả thẩm định và định giá thì diện tích 665,1m² (tăng 281,1m²). Qua xem xét hồ sơ lưu tại UBND xã và làm việc với Trưởng thôn Đ nhận thấy: Trong diện tích 665,1m² có: 384m² (đo thực tế là 387,7m²) là diện tích đất định suất canh tác nông nghiệp của hộ bà Nguyễn Thị Đ1. Diện tích còn lại theo đo thực tế là 277,4m² là diện tích giao cho suất thờ cúng liệt sĩ (bà Nguyễn Thị Đ1 có con trai là liệt sĩ Hoàng Công Q6).

3.6. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

4. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả như sau:

Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, thôn Đ, xã C, huyện Y, diện tích hiện trạng 1.190,3m² x 800.000 đồng/m² = 952.240.000 đồng;

Các tài sản trên đất gồm có: 07 cây nhãn tán lá trung bình 5m x 1.364.000 đồng/01 cây = 9.548.000 đồng; 02 cây xoan đường kính gốc trung bình 25cm x 181.000 đồng/01 = 362.000 đồng; 01 cây xoan đường kính gốc 15cm giá 154.000 đồng; 03 cây bạch đàn đường kính gốc 15cm x 154.000 đồng = 462.000

đồng; 01 nhà 3 gian 36,5m² xây dựng năm 2001 trừ khấu hao, giá trị còn lại là 26.608.000 đồng; 01 nhà bếp 10,32m² trừ khấu hao, giá trị còn lại là 825.000 đồng.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất số 108/6, tờ bản đồ số 4 như sau:
Diện tích 665,1m² (diện tích tranh chấp là 277,4m² x 50.000 đồng/m² = 13.870.000 đồng).

Theo lời khai của ông Trần Văn P đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, các tài sản của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T có nhưng không còn, Hội đồng định giá không định giá. Ngày 02/4/2021, ông Trần Văn P tự đưa ra giá, cụ thể như sau: Nhà cấp 04, 05 gian gỗ lim trị giá 110.000.000 đồng; Bàn thờ gỗ lim trị giá 10.000.000 đồng; 01 phản gỗ lim trị giá 15.000.000 đồng; 01 cây mít đường kính gốc khoảng 40cm cao khoảng 04m trị giá 1.500.000 đồng. Ông Nguyễn Văn K không phản đối giá của tài sản do ông Trần Văn P đưa ra.

5. Xác minh người làm chứng có thời gian sinh sống lâu năm tại thôn Đ, xã C, huyện Y kết quả như sau:

5.1. Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1944, địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y cung cấp: Bà sinh sống tại thôn Đ, xã C, huyện Y từ năm 1975, gần nhà cụ Nguyễn Thị Đ1. Quá trình bà sinh sống tại địa phương, bà thường xuyên đến chơi nhà cụ Nguyễn Thị Đ1, do cụ Nguyễn Thị Đ1 ở một mình, tài sản trong nhà cụ Nguyễn Thị Đ1 chỉ có 01 nhà cấp 4 cũ. Sau khi được Nhà nước xây nhà tình nghĩa thì cụ Nguyễn Thị Đ1 tháo dỡ nhà cũ, vật liệu cũ, hỏng, không biết số vật liệu này được mang đi đâu. Tài sản trong nhà cụ Nguyễn Thị Đ1 có 01 bàn thờ được làm bằng gỗ ghép, gắn vào 2 cột của gian giữa nhà cấp 4; một phản gỗ dùng làm chỗ ngồi tiếp khách, nguồn gốc số tài sản này có từ bao giờ bà không được biết. Về cây trồng trên đất có 02 cây mít, 02 cây nhãn.

5.2. Ông Nguyễn Mạnh P1 nguyên là Bí thư Đảng ủy xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ năm 1990 đến năm 2003 cung cấp thông tin: Ông sinh sống tại xã C, huyện Y từ nhỏ, ông thường xuyên đi qua nhà cụ Hoàng Công Q4, ông được biết cụ Hoàng Công Q4 có 01 nhà cấp 4 lợp ngói mũi. Căn nhà này thấp nhỏ, ông không biết nhà được xây dựng từ năm nào, do ai xây dựng. Ông được biết căn nhà đó do cụ Hoàng Công Q4 sống chung với cụ Nguyễn Thị Đ1 và người con nuôi là Hoàng Công Q6 (ông Hoàng Công Q6 hơn ông khoảng 02 tuổi), sau khi cụ Hoàng Công Q4 và ông Hoàng Công Q6 chết, cụ Nguyễn Thị Đ1 vẫn ở trên đất đó một mình. Do căn nhà cấp 4 đã cũ nát, Ủy ban huyện Y kết hợp với Ủy ban xã C bỏ kinh phí xây dựng tặng cụ Nguyễn Thị Đ1 01 nhà tình nghĩa.

Căn nhà cũ trước đó tháo dỡ, còn các tài sản khác như: Bàn thờ; phản gỗ, ông không được biết. Các cây trồng trên đất chủ yếu là tre, mít, nhãn, do giá trị kinh tế thấp nên đã chặt bỏ.

5.3. Ông Thân Văn G sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y cung cấp thông tin: Ông sinh ra tại thôn Đ, xã C, huyện Y từ nhỏ và ở giáp liền kề với nhà cụ Nguyễn Thị Đ1. Tài sản của cụ Nguyễn Thị Đ1 có 01 nhà cấp 4, năm gian, khung gỗ, hoành, rui tre. Năm 2001, do căn nhà đã cũ nát, ông làm nghề thợ xây nên được trực tiếp nhận khoán xây căn nhà tình nghĩa do Ban chỉ huy Quân sự huyện Y là chủ đầu tư và giao khoán. Nhóm thợ xây của ông trực tiếp tháo dỡ căn nhà cấp 4, năm gian cũ nát của cụ Nguyễn Thị Đ1, tình trạng căn nhà tại thời điểm đó khung gỗ mục, khung tre, mái ngói sập, dột, tường cay đất nứt, vỡ nguy cơ đổ, sau khi tháo dỡ các vật liệu cũ không sử dụng được. Tài sản trong nhà cụ có 01 bàn thờ ghép bằng gỗ gắn vào 02 cột của gian giữa nhà cũ, khi phá dỡ nhà cũ thì bàn thờ cũng bị phá dỡ theo, ngoài ra còn 01 phản gỗ ghép bằng nhiều tấm gỗ nhỏ cũ; cây trồng trên đất có 02 cây mít, 03 đến 04 cây nhãn, cây bách đàn, xoan. Nguồn gốc tài sản ông không biết.

5.4. Ông Thân Văn T1 sinh năm 1941; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y cung cấp: Ông ở thôn Đ, xã C, huyện Y từ năm 1954, liền kề nhà cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị Đ1. Năm 1954 cải cách ruộng đất, gia đình cụ Hoàng Công Q4 có được chia 01 nếp nhà gỗ lim, cụ Hoàng Công Q4 mua thêm vật liệu bổ sung dựng thành căn nhà hoàn chỉnh. Năm 1971 cụ Hoàng Công Q4 chết, cụ Nguyễn Thị Đ1 ở căn nhà này một mình, khi được Ban chỉ huy Quân sự huyện Y xây nhà tình nghĩa thì căn nhà cũ từ 1954 bị phá bỏ, vật liệu là gỗ, cay, ngói cũ chỉ là vật liệu thừa, hỏng không sử dụng được. Ông có thấy anh Nguyễn Văn K là cháu cụ Nguyễn Thị Đ1 dùng xe ngựa vận chuyển đi đâu, số lượng bao nhiêu ông không được biết. Cây trồng trên đất có mít, nhãn ông không biết được trồng từ bao giờ. Sau khi cụ Nguyễn Thị Đ1 chết, anh Nguyễn Văn K có đánh 01 cây mít mang đi đâu ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Điều 1 của Luật Đất đai năm 1987; Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688; Điều 611; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật dân sự

năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Văn K về yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1290m² (đo hiện trạng diện tích 1.190,3m²) tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia thừa kế tài sản là các cây trồng trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang gồm có: 01 nhà 05 gian cấp 4 gỗ lim, 01 bàn thờ gỗ lim, 01 phản gỗ lim, 01 cây mít; 07 cây nhãn, 03 cây xoan, 03 cây bạch đàn;

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00564-QĐ 478/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 12/12/1998 mang tên: Hộ bà Nguyễn Thị Đ1; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia 96m² đất tại thửa đất số 108/6, tờ bản đồ số 4 tại xứ đồng TĐ, thôn Đ, xã C, huyện Y.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/5/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Trần Văn P vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khẳng định thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.290m² có nguồn gốc là của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T, tài sản tạo lập trên đất gồm một nhà cấp 4, 05 gian gỗ lim lợp ngói, hoành tre, tường đất không xác định được năm xây dựng; 01 bàn thờ gỗ lim; 01 phản gỗ lim và 01 cây mít đường kính gốc khoảng 40cm, cao khoảng 04m; 07 cây nhãn; 03 cây xoan; 03 cây bạch đàn. Cả hai cụ đều đã chết và không để lại di chúc, ông P cũng thừa nhận rằng thửa đất trên chưa được cấp chính quyền nào cấp GCNQSDĐ cũng như những giấy tờ của nhà nước đã cấp có liên quan đến thửa đất trên, lý do không có giấy tờ gì vì khi đó nhà nước chưa có chủ trương cấp giấy.

Bà Hoàng Thị Q1 (là con cụ H và là vợ của ông P) đồng tình với ý kiến của ông P và trình bày: Năm 1971, cụ Q4 chết thì bố mẹ bà là ông Q5 và bà H tiếp tục chung sống với cụ Đ1 đến năm 1972 thì bố mẹ bà cùng ba người con chuyển ra thửa đất khác ở, cụ Nguyễn Thị Đ1 sống một mình tại thửa đất số 173, tờ bản

đồ số 4 tại thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và quản lý toàn bộ tài sản, ruộng đất. Cả ông P và bà Q1 đều thừa nhận từ thời điểm khởi kiện ngày 12/7/2018 thì nhà cấp 04, 01 bàn thờ, 01 phản gỗ, 01 cây mít, 07 cây nhãn, 03 cây xoan, 03 cây bạch đàn đều đã không còn. Vì cụ Đ1 là gia đình chính sách nên năm 2001 Huyện đội Y, tỉnh Bắc Giang xây tặng một căn nhà tình nghĩa diện tích 60m² trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4. Các tài sản của cụ Q4, T đã bị ông Nguyễn Văn K là cháu cụ Đ1 mang về Y1 sử dụng.

Ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông là cháu ruột của cụ Đ1, năm 2010 cụ Đ1 ốm, ông đón cụ về Thôn H1, xã L, huyện Y1 để chăm sóc, toàn bộ nhà đất của cụ tại Đ, C, Y Bắc Giang bỏ hoang không có người ở, không có người trông coi. Ngày 12/9/2003, cụ Đ1 đã lập di chúc cho ông được hưởng toàn bộ tài sản là đất đai, tài sản vật kiến trúc trên thửa đất thổ cư 1.290m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00564-QĐ 478/QĐUB ngày 12/12/1998 và toàn bộ diện tích ruộng canh tác 384m². Ngày 24/6/2013, cụ Nguyễn Thị Đ1 chết. Ông P và bà Q1 cho rằng ông tháo dỡ căn nhà 05 gian cấp 4 gỗ lim cũ của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T, 01 bàn thờ gỗ lim, 01 phản gỗ lim sử dụng là không đúng. Ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H có quan điểm như sau: Theo lời khai của bà H thì nguồn gốc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, thôn Đ, xã C, huyện Y, diện tích 1.290m² có nguồn gốc là của bố mẹ chồng bà là cụ Q4 và cụ T khai hoang và lập nghiệp, mặc dù không được cấp GCNQSDĐ thửa đất này nhưng hai cụ đã khai phá và sinh sống tại thửa đất này từ năm 1939. Việc ngày 12/9/2003, cụ Đ1 đã lập di chúc cho ông K nhưng văn bản này chưa thực hiện đúng theo quy định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ về công chứng, chứng thực và cũng chưa thực hiện theo các quy định tại Nghị định 17/1999/NĐ-CP thì việc chuyển đổi này cũng chưa hoàn thành. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham dự phiên tòa có quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không xác minh với chính quyền địa phương về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đất của các đương sự, mà chỉ căn cứ vào GCNQSDĐ do UBND huyện Y cấp cho cụ Đ1 năm 1998 đối với thửa đất 173 nêu trên. Căn cứ quy định tại Điều 1 Luật Đất đai năm 1987 quy định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý” và Điều

4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định “Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác, quyền về tài sản do người chết để lại. Tài sản gồm có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp từ đó xác định thừa đất là tài sản riêng của cụ Đ1, không phải là di sản thừa kế của cụ Q4 và cụ T là không đúng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn P, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

- Về thẩm quyền xét xử và thời hiệu khởi kiện: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự và thời hiệu khởi kiện đảm bảo theo quy định của Luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 kháng cáo của ông P còn trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ do đó được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về việc vắng mặt của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Q2, ông Hoàng Công Q3, bà Hoàng Thị D, ông Lê Văn C1, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Y đều có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Hoàng Thị D1 đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập theo đúng quy định, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T là vợ chồng, hai cụ sinh được 01 người con đẻ duy nhất ông Hoàng Công Q5, sinh năm 1933. Khi còn sống hai cụ cùng ông Hoàng Công Q5 sống tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1290m², thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tài sản hai cụ tạo lập được gồm

có: 01 nhà 05 gian cấp 4, khung gỗ, tre. Năm 1943 cụ Nguyễn Thị T chết nhưng không có di chúc để lại.

Năm 1949, cụ Hoàng Công Q4 kết hôn với cụ Nguyễn Thị Đ1 nhưng không sinh được người con nào, chỉ có một người con nuôi là ông Hoàng Công Q6.

Năm 1953, ông Hoàng Công Q5 kết hôn với bà Nguyễn Thị H và cùng chung sống với cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị Đ1, ông Hoàng Công Q6 trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, thôn Đ, xã C, huyện Y.

Năm 1971, cụ Hoàng Công Q4 chết nhưng không để lại di chúc định đoạt tài sản. Năm 1972, ông Hoàng Công Q5, bà Nguyễn Thị H chuyển ra ở một thửa đất khác. Năm 1972, ông Hoàng Công Q6 hy sinh tại mặt trận phía Nam (ông Hoàng Công Q6 không có vợ, con). Cụ Nguyễn Thị Đ1 sống một mình trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, thôn Đ, xã C, huyện Y.

Ngày 12/12/1998, cụ Nguyễn Thị Đ1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4 (số 00564-QĐ 478/QĐUB đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ1).

Ngày 20/11/2006, cụ Nguyễn Thị Đ1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 108/6 tờ bản đồ số 4, mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp.

Ngày 22/01/2000, ông Hoàng Công Q5 chết nhưng không để lại di chúc.

Ngày 12/9/2003, cụ Nguyễn Thị Đ1 đã lập di chúc cho ông Nguyễn Văn K được hưởng toàn bộ tài sản là đất đai, tài sản vật kiến trúc trên thửa đất thổ cư 1290m² vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00564-QĐ 478/QĐUB ngày 12/12/1998 và toàn bộ diện tích ruộng canh tác 384m².

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T bao gồm nhà ở, bàn thờ, phản gỗ, diện tích đất thổ cư, cây lâu năm trồng trên đất, đất ruộng vì ông Hoàng Công Q5 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T, nhưng khi còn sống ông Hoàng Công Q5 chưa yêu cầu chia thừa kế tài sản nên quyền thừa kế của ông Hoàng Công Q5 được chuyển tiếp cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Công Q5 gồm có: Bà Nguyễn Thị H (là vợ ông Hoàng Công Q5) và các con chung của ông Hoàng Công Q5, bà Nguyễn Thị H gồm có: bà Hoàng Thị Q2, sinh năm: 1957; ông Hoàng Công Q3, sinh năm: 1959; bà Hoàng Thị Q1, sinh năm: 1963; chị Hoàng Thị D, sinh năm: 1975; chị Hoàng Thị D1, sinh năm: 1978;

[2.2]. Xét kháng cáo của ông Trần Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy tòa án cấp sơ thẩm nhận định như sau:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn Thị T (chết năm 1943) và cụ Hoàng Công Q4 (chết năm 1971) là quyền sử dụng thửa đất nêu trên nhưng bà Nguyễn Thị H không đưa ra được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Nhà nước đã công nhận cho cụ Nguyễn Thị T, cụ Hoàng Công Q4 được quyền sử dụng đất. Mặt khác, theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về thừa kế thì: Tại Điều 1 Luật Đất đai năm 1987 quy định: *“Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý”*. Tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế ngày 10/9/1990, quy định: *“Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác, quyền về tài sản do người chết để lại. Tài sản gồm có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp”*. Tại điểm a, mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, quy định: *“Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản khi công dân chết”*. Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1290m² (kết quả đo hiện trạng 1190,3m²) đã được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị Đ1 số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00564QSDĐ/QĐ 478/QĐUB ngày 12/12/1998. Căn cứ vào bản sao sổ hộ khẩu gốc quyền số 01 do Công an xã C, huyện Y cung cấp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị Đ1, hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Đ1 chỉ có một mình cụ. Như vậy có đủ căn cứ để xác định: Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4, diện tích 1290m² không phải là di sản thừa kế của cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T.

[2.3]. Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về chia thừa kế tài sản là căn nhà gỗ 05 gian cấp 4, bàn thờ gỗ lim, phản gỗ lim của cụ Nguyễn Thị T, cụ Hoàng Công Q4.

Xét thấy, do đến thời điểm thụ lý vụ án, các tài sản trên không còn, bà Nguyễn Thị H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T có các tài sản trên. Quá trình thu thập chứng cứ của người dân sinh sống lâu năm tại thôn Đ, xã C, huyện Y đủ cơ sở để chứng minh: Căn nhà 05 gian cấp 4 là nhà cũ, cụ Hoàng Công Q4 được chia một phần vật liệu của căn nhà, sau đó cụ bổ sung vật liệu dựng thành căn nhà hoàn chỉnh từ năm 1954, trong nhà

có một bàn thờ ghép bằng gỗ gắn vào hai cột của gian giữa. Sau khi cụ Nguyễn Thị T, cụ Hoàng Công Q4 chết, cụ Nguyễn Thị Đ1 ở căn nhà cũ đến năm 2001. Do căn nhà cũ xuống cấp, dột nát, nguy cơ đổ nên cụ Nguyễn Thị Đ1 được Ban chỉ huy quân sự huyện Y xây tặng một căn nhà tình nghĩa, căn nhà cũ do thợ xây phá dỡ, bàn thờ gắn vào cột nhà cũng bị phá dỡ cùng căn nhà cũ, vật liệu thừa không còn giá trị sử dụng. Phía nguyên đơn cũng không chứng minh được ông Nguyễn Văn K là người sử dụng chiếc phản gỗ, quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cũng không xác định được ai là người sử dụng chiếc phản gỗ cũ. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu chia thừa kế căn nhà, bàn thờ, phản gỗ.

[2.4]. Về yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, yêu cầu chia thừa kế tài sản là các cây trồng trên thửa đất số 173, tờ bản đồ số 4:

Hội đồng xét xử thấy: Cụ Hoàng Công Q4 và cụ Nguyễn Thị T ở trên thửa đất này từ năm 1939, đến năm 1943 cụ Nguyễn Thị T chết. Năm 1949, cụ Hoàng Công Q4 kết hôn với cụ Nguyễn Thị Đ1, hai cụ sinh sống trên thửa đất này. Đến năm 1971, cụ Hoàng Công Q4 chết, cụ Nguyễn Thị Đ1 tiếp tục sinh sống trên đất đến năm 2010. Hiện tại trên đất có 07 cây nhãn tán lá trung bình 5m; 02 cây xoan đường kính gốc trung bình 25cm; 01 cây xoan đường kính gốc 15cm giá 154.000 đồng; 03 cây bạch đàn đường kính gốc 15cm. Các cây trồng này cụ Nguyễn Thị Đ1 đã định đoạt trong bản di chúc ngày 12/9/2003 cho ông Nguyễn Văn K được hưởng. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện nhưng bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh các cây trồng này là di sản của cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T theo quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các chứng cứ do Tòa án thu thập không đủ căn cứ để xác định cụ Hoàng Công Q4, cụ Nguyễn Thị T có di sản là cây trồng trên thửa đất, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

[2.5]. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày trực tiếp tại phiên tòa phúc thẩm thấy những nhận định và phân tích như Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng